

Số: 14/2024/CV-PGN

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa

- Mã chứng khoán: PGN

- Địa chỉ: Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Điện thoại liên hệ: 02113 717107 Fax: 02113 707108

- Email: trandangcong2082@gmail.com Website: <https://pgn.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thộc diện phải giải trình nguyên nhân

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển lỗ sang hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước ?

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại ?

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn: <https://pgn.com.vn>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ NGƯỜI UQCBT**

Tài liệu đính kèm:
-BCTC năm 2023
- Văn bản giải trình



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đăng Công



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13/2024/CV- PGN
V/v: Giải trình lợi nhuận năm
2023 giảm so với cùng kỳ năm
trước

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Liên quan tới Báo cáo tài chính năm 2023 Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa xin giải trình làm rõ nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm so với năm 2022 như sau:

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 5.223.106.726 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022: 12.879.517.730 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm 7.656.411.004 đồng, tương đương giảm 59,45% so với năm 2022. Lợi nhuận giảm như vậy là do:

1. Do nhu cầu hàng hóa của thị trường giảm nên doanh thu giảm 20,3%

Doanh thu năm 2023 là 214.967.800.029 đồng, giảm 54.769.240.324 tương đương giảm 20,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 2,07% so với cùng kỳ, giảm từ 9,93% xuống 7,86%.

Kỳ báo cáo	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Tỷ suất LN gộp
Năm 2022	269.652.360.353	242.878.043.082	26.774.317.271	9,93%
Năm 2023	214.687.300.029	197.800.571.234	16.886.728.795	7,86%

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh dẫn đến lợi nhuận trong báo cáo tài chính năm 2023 giảm so với năm 2022.

Công ty xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
TỔNG GIÁM ĐỐC

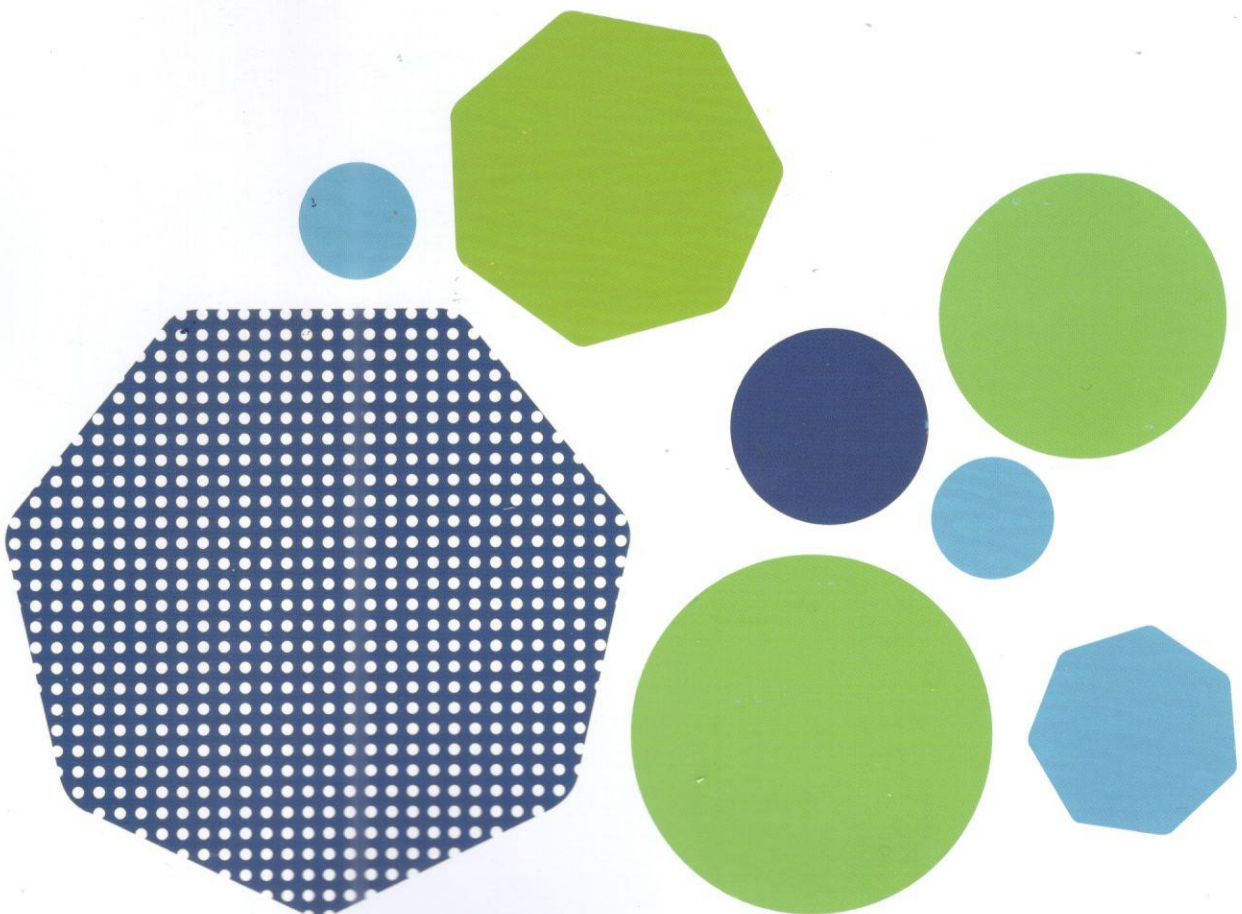


TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đăng Công



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch	
Ông Trần Đăng Công	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Đăng Phi	Thành viên	
Ông Chu Văn Phương	Thành viên	
Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên	
Ông Phạm Duy Ga	Thành viên	Từ nhiệm ngày 13/05/2023

Ban Giám đốc điều hành

Ông Trần Đăng Công	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập báo cáo này là bà Trần Thị Việt Oanh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 28 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đặng Công
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 286/2024/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/3/2024 trình bày từ trang 05 đến trang 34 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
1395-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.498.129.911	155.775.518.959
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.680.905.186	7.501.259.521
Tiền	111		5.680.905.186	7.501.259.521
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.200.000.000	1.250.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	15.200.000.000	1.250.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.240.136.878	76.394.507.066
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	87.992.996.780	75.579.738.086
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.812.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	221.328.098	814.768.980
Hàng tồn kho	140	8	67.119.420.893	69.693.613.120
Hàng tồn kho	141		67.119.420.893	69.693.613.120
Tài sản ngắn hạn khác	150		257.666.954	936.139.252
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	164.166.492	244.575.409
Thuế GTGT được khấu trừ	152		92.104.727	567.508.978
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.395.735	124.054.865
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.644.244.247	37.243.901.718
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.536.311.479	2.097.374.281
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.536.311.479	2.097.374.281
Tài sản cố định	220		28.919.862.696	30.605.429.163
Tài sản cố định hữu hình	221	11	25.614.897.580	22.755.335.056
- Nguyên giá	222		46.722.896.171	38.488.717.262
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.107.998.591)	(15.733.382.206)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	3.304.965.116	7.850.094.107
- Nguyên giá	225		4.552.909.091	10.372.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.247.943.975)	(2.522.814.984)
Tài sản dở dang dài hạn	240		745.948.500	1.332.948.500
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		745.948.500	1.332.948.500
Đầu tư tài chính dài hạn	250		600.000.000	600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	600.000.000	600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.842.121.572	2.608.149.774
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.842.121.572	2.608.149.774
TỔNG TÀI SẢN	270		210.142.374.158	193.019.420.677

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		103.110.814.165	90.566.991.523
Nợ ngắn hạn	310		101.633.133.745	83.352.875.494
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	26.332.481.868	30.558.683.543
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		139.345.591	2.280.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	5.082.022.744	3.484.268.716
Phải trả người lao động	314		261.151.785	227.490.378
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		461.803.611	449.004.333
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.600.000	6.400.000
Phải trả ngắn hạn khác	319		31.762.460	14.016.696
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	68.678.989.799	48.610.731.828
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		643.975.887	-
Nợ dài hạn	330		1.477.680.420	7.214.116.029
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		481.725	2.639.634
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	1.477.198.695	7.211.476.395
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.031.559.993	102.452.429.154
Vốn chủ sở hữu	410	15	107.031.559.993	102.452.429.154
Vốn góp của chủ sở hữu	411		84.509.400.000	84.509.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411		84.509.400.000	84.509.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(134.050.000)	(134.050.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.316.984.134	4.385.056.475
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.339.225.859	13.692.022.679
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		11.116.119.133	812.504.949
- LNST chưa phân phối năm nay	421		5.223.106.726	12.879.517.730
TỔNG NGUỒN VỐN	440		210.142.374.158	193.019.420.677

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2024



Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	214.967.800.029	269.737.040.353
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	280.500.000	84.680.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		214.687.300.029	269.652.360.353
Giá vốn hàng bán	11	18	197.800.571.234	242.878.043.082
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.886.728.795	26.774.317.271
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	216.280.084	207.464.619
Chi phí tài chính	22	20	5.963.868.125	5.387.616.579
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.946.890.285	5.266.556.967
Chi phí bán hàng	25	21	583.417.008	899.755.975
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.657.854.082	4.157.754.846
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.897.869.664	16.536.654.490
Thu nhập khác	31		9.291.413	474.069
Chi phí khác	32	22	1.105.018	180.133.809
Lợi nhuận khác	40		8.186.395	(179.659.740)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.906.056.059	16.356.994.750
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.682.949.333	3.477.477.020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.223.106.726	12.879.517.730
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	618	1.448
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23	552	1.448

Vinh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2024


Tổng Giám đốc

Trần Đặng Công

Kế toán trưởng


Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu


Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		6.906.056.059	16.356.994.750
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.335.194.467	3.557.117.657
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.660.292	(31.725.914)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(195.667.510)	(118.902.505)
Chi phí lãi vay	06		5.946.890.285	5.266.556.967
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08		16.996.133.593	25.030.040.955
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.676.958.732)	(10.095.112.620)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.574.192.227	(28.700.139.229)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.384.833.956)	13.611.991.640
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		846.437.119	(312.354.558)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.898.676.674)	(5.216.543.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.719.652.686)	(2.874.064.286)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(906.678.416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		736.640.891	(9.462.860.148)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.033.809.818)	(6.748.116.192)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.090.909	1.835.676.804
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.501.000.000)	(750.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.551.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		83.743.412	75.355.823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.890.975.497)	(5.587.083.565)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		115.397.331.080	111.549.942.741
Tiền trả nợ gốc vay	34		(98.787.010.782)	(99.102.006.638)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.276.340.027)	(3.446.384.696)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.333.980.271	9.001.551.407
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.820.354.335)	(6.048.392.306)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.501.259.521	13.549.651.827
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	5.680.905.186	7.501.259.521

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2024



Trần Đặng Công

Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc thay đổi lần 9 ngày 05/08/2022. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 84.509.400.000 đồng, chia thành 8.450.940 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Đăng Công.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 04 tháng 07 năm 2019 với mã chứng khoán là PGN.

Số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2023 là 46 người (tại ngày 01/01/2023 là 50 người).

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2023 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp hàng tồn kho lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trong năm.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền, phải thu ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.13 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	2.592.715.459	4.223.438.092
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.088.189.727	3.277.821.429
	5.680.905.186	7.501.259.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Ngắn hạn	15.200.000.000	-	1.250.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	15.200.000.000	-	1.250.000.000	-
- Dài hạn	600.000.000	-	600.000.000	-
+ Các khoản trái phiếu (**)	600.000.000	-	600.000.000	-
	15.800.000.000	-	1.850.000.000	-

(*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam với giá trị tại 31/12/2023 là 4.000.000.000 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng số SHBHN/HDTD/790500037395 ngày 13/12/2023 với Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam

(**) Tại 31/12/2023, bao gồm:

- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2023 với số lượng trái phiếu sở hữu là 3000 trái phiếu tại ngày 20/07/2023, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,3%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 20/07/2023, ngày đáo hạn: 20/07/2033. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi là một ngày tròn năm kể từ ngày phát hành và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong năm 2024, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 của Trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái phiếu vào ngày đáo hạn. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu, các Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của Trái phiếu đó vào ngày đáo hạn. Tại thời điểm 31/12/2023, trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.
- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 với số lượng trái phiếu sở hữu là 3000 trái phiếu tại ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 1,0%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 30/07/2020, ngày đáo hạn: 30/07/2030. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu. Nếu trái phiếu 2030 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2030 và tiền lãi năm thứ 05 (năm) sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2030 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030. Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu 2030 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Tại thời điểm 31/12/2023, trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

ôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

ác thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	87.992.996.780	-	75.579.738.086	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	34.509.399.108	-	33.805.784.758	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	39.363.376.434	-	25.139.995.934	-
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries	4.398.921.120	-	4.272.840.000	-
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	4.135.454.887	-	7.087.676.887	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.585.845.231	-	5.273.440.507	-
	87.992.996.780	-	75.579.738.086	-
Phải thu khách hàng là bên liên quan	78.008.230.429		66.033.457.579	

(Chi tiết tại thuyết minh số 25)

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

ác thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	221.328.098	-	814.768.980	-
- Lãi dự thu	170.908.329	-	68.075.140	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	622.443.283	-
- Phải thu khác	50.419.769	-	124.250.557	-
Dài hạn	1.536.311.479	-	2.097.374.281	-
- Ký cược, ký quỹ	1.351.193.738	-	1.714.646.851	-
- Phải thu khác	185.117.741	-	382.727.430	-
	1.757.639.577	-	2.912.143.261	-

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	48.005.095.328	-	58.577.410.789	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.836.719	-	56.898.615	-
- Thành phẩm	19.069.488.846	-	11.059.303.716	-
	67.119.420.893	-	69.693.613.120	-

Giá trị hàng tồn kho đang cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần tại ngày 31/12/2023 là: 24.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	164.166.492	244.575.409
- Chi phí mua bảo hiểm	134.187.181	191.117.937
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	128.896	21.386.323
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.850.415	32.071.149
Dài hạn	1.842.121.572	2.608.149.774
- Chi phí đền bù xây dựng	1.124.985.577	1.157.128.021
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	196.072.440	487.294.974
- Chi phí mua bảo hiểm	17.452.366	94.926.513
- Các khoản khác	503.611.189	868.800.266
	2.006.288.064	2.852.725.183

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	10.372.909.091	10.372.909.091
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(5.820.000.000)	(5.820.000.000)
31/12/2023	4.552.909.091	4.552.909.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	2.522.814.984	2.522.814.984
- Khấu hao trong năm	1.433.454.432	1.433.454.432
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.708.325.441)	(2.708.325.441)
31/12/2023	1.247.943.975	1.247.943.975
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	7.850.094.107	7.850.094.107
31/12/2023	3.304.965.116	3.304.965.116

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2023	20.320.214.327	13.892.382.935	4.276.120.000	38.488.717.262
- Tăng TSCĐ trong kì	-	2.649.628.000	-	2.649.628.000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	5.820.000.000	-	5.820.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(235.449.091)	(235.449.091)
31/12/2023	20.320.214.327	22.362.010.935	4.040.670.909	46.722.896.171
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2023	4.142.640.184	10.784.785.428	805.956.594	15.733.382.206
- Khấu hao trong năm	849.762.144	1.647.910.795	404.067.096	2.901.740.035
- Khấu hao chuyển từ TSCĐ thuê tài chính khi mua lại	-	2.708.325.441	-	2.708.325.441
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(235.449.091)	(235.449.091)
31/12/2023	4.992.402.328	15.141.021.664	974.574.599	21.107.998.591
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	16.177.574.143	3.107.597.507	3.470.163.406	22.755.335.056
31/12/2023	15.327.811.999	7.220.989.271	3.066.096.310	25.614.897.580

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 8.134.654.839 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 8.064.594.943 đồng).

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là: 18.393.908.309 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 19.621.484.060 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/02/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	26.332.481.868	26.332.481.868	30.558.683.543	30.558.683.543
- Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	-	-	915.112.000	915.112.000
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Chailease	3.896.709.003	3.896.709.003	7.736.737.010	7.736.737.010
- Công ty TNHH CEN Việt Nam	1.402.500.000	1.402.500.000	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Phú Thịnh	149.552.068	149.552.068	449.552.068	449.552.068
- Trung Tâm Triển Khai Công Nghệ	648.000.000	648.000.000	777.600.000	777.600.000
- Công ty TNHH Kiều An	-	-	545.700.000	545.700.000
- Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Công Nghiệp Sun Beam Việt Nam	1.229.200.000	1.229.200.000	1.331.632.000	1.331.632.000
- Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	13.851.981.980	13.851.981.980	16.935.150.960	16.935.150.960
- Công ty TNHH CEN TECH	-	-	614.091.824	614.091.824
- Công ty TNHH United Materials Việt Nam	871.000.000	871.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Cao su 75	884.650.000	884.650.000	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Hoá chất Mê Kông tại Hà Nội	948.900.000	948.900.000	-	-
- Công ty Cổ phần Hoá Chất Thăng Long	545.292.000	545.292.000	-	-
- Đối tượng khác	1.904.696.817	1.904.696.817	1.253.107.681	1.253.107.681
Dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	14.397.273.980	14.397.273.980	17.157.750.960	17.157.750.960
(Chi tiết tại thuyết minh số 25)				

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.636.655.350	964.786	1.635.690.564
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.477.477.020	1.682.949.333	1.719.652.686	3.440.773.667
- Thuế thu nhập cá nhân	6.791.696	66.002.983	67.236.166	5.558.513
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	95.900.795	95.900.795	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	3.000.000	3.000.000	-
	3.484.268.716	3.484.508.461	1.886.754.433	5.082.022.744

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vinh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ ngắn hạn	68.678.989.799	68.678.989.799	115.081.608.780	95.013.350.809	48.610.731.828	48.610.731.828
Vay ngắn hạn	65.994.712.099	65.994.712.099	112.397.331.080	90.937.010.782	44.534.391.801	44.534.391.801
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (1)	24.999.372.958	24.999.372.958	51.581.705.769	51.075.434.546	24.493.101.735	24.493.101.735
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	4.843.368.120	4.843.368.120	8.942.218.120	9.441.280.400	5.342.430.400	5.342.430.400
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	10.553.850.019	10.553.850.019	23.646.201.081	19.807.492.342	6.715.141.280	6.715.141.280
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	-	-	5.629.085.108	10.612.803.494	4.983.718.386	4.983.718.386
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Quân đội MBank - Chi nhánh Mỹ Đình (4)	13.999.946.002	13.999.946.002	13.999.946.002	-	-	-
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Shinhan (5)	8.598.175.000	8.598.175.000	8.598.175.000	-	-	-
- Ông Chu Văn Phương (6)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	2.684.277.700	2.684.277.700	2.684.277.700	4.076.340.027	4.076.340.027	4.076.340.027
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (7)	1.732.000.000	1.732.000.000	1.732.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (8)	952.277.700	952.277.700	952.277.700	2.276.340.027	2.276.340.027	2.276.340.027
Vay và nợ dài hạn	1.477.198.695	1.477.198.695	3.000.000.000	8.734.277.700	7.211.476.395	7.211.476.395
- Vay dài hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (7)	439.000.000	439.000.000	-	1.732.000.000	2.171.000.000	2.171.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (8)	1.038.198.695	1.038.198.695	-	952.277.700	1.990.476.395	1.990.476.395
- Ông Trần Đăng Công	-	-	3.000.000.000	6.050.000.000	3.050.000.000	3.050.000.000
Tổng cộng	70.156.188.494	70.156.188.494	118.081.608.780	103.747.628.509	55.822.208.223	55.822.208.223

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Theo hợp đồng vay hạn mức số 01.300113395/2023-HĐCVHM/NHCT246-PGN ngày 05/06/2023 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng, lãi suất thả nổi, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 05/06/2023 đến ngày 05/06/2024. Thời hạn cho vay: được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - + Hợp đồng thế chấp số 10520401/HĐTC ngày 04/01/2010 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm: Giá trị san nền, nhà xưởng, nhà điều hành, nhà kho, công trình phụ trợ và vật kiến trúc xây dựng trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM678768. Trị giá hợp đồng 1.968 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/ bảo lãnh tối đa 1.377,6 triệu đồng, trong đó đảm bảo cho hợp đồng này là 460 triệu đồng;;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm nhà kho và máy móc thiết bị. Tổng giá trị hợp đồng 3.544 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.273,8 triệu đồng;;
 - + Hợp đồng thế chấp số 001.300113395.2016/HĐTC ngày 14/04/2016 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Trị giá hợp đồng 236 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 165,2 triệu đồng;;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.300113395/2018/BĐG ngày 01/02/2018 và các Văn bản sửa đổi bổ sung; tài sản thế chấp là quyền sử dụng 78,6m² đất ở và tài sản trên đất là nhà ở 02 tầng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 326525; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 43.MK.2006/99.2006.QĐUB do UBND quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội cấp ngày 30/06/2006. Trị giá hợp đồng 5.710 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 4.282 triệu đồng;;
 - + Hợp đồng thế chấp số 01/300113395/2017/HĐTC ngày 14/06/2017 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là 02 hệ thống lọc bụi máy nghiền năm 2015. Trị giá hợp đồng 640 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 192 triệu đồng;;
 - + Hợp đồng thế chấp số 13.38524/2018/HĐBĐ/NHCT246-PGN ngày 26/10/2018 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mùi) Thaco Ollin 700B thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa; giá trị định giá là 487 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa là 487 triệu đồng;;
 - + Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02.300113395/2020/HĐBĐ/NHCT246 ngày 03/08/2020, tài sản cầm cố là 3.000 Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm.
 - + Hợp đồng Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- + Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng Thế chấp tài sản số 001.300113395/2017/HĐTC ngày 14/04/2016 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng Thế chấp bất động sản số 01/300113395/2017/HĐTC ngày 14/06/2017 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng Thế chấp bất động sản số 01.300113395/2018/HĐBĐ/NHCT246 ngày 01/02/2018 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01.300113395/2018/HĐBĐ/NHCT246 ngày 10/08/2018 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 13.38524/2018/HĐBĐ/NHCT246-PGN ngày 26/10/2018 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02.300113395/2020/HĐBĐ/NHCT246 ngày 03/08/2020 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.300113395/2022/HĐBĐ/NHCT246 ngày 24/02/2022 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 03.300113395/2022/HĐBĐ/NHCT246 ngày 05/08/2022 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- + Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 02.300113395/2022/HĐBĐ/NHCT246 ngày 05/08/2022 và các Văn bản/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 431/2023/HDDT/TTKD HO ngày 26/12/2023 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 26/12/2023, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thương mại hạt nhựa, hóa chất công nghiệp, chất phụ gia. Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 305/2022/HDBD/TTKD HO ngày 08/06/2022, tài sản cầm cố là ô tô Mercedes-Benz GLC 300 4Matic 253384 màu đen mang biển kiểm soát 88A-520.51 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Giá trị chiếc xe đảm bảo là 2,328 tỷ đồng.
 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 306/2022/HDBD/TTKD HO ngày 08/06/2022, tài sản cầm cố là ô tô Toyota Innova 2.0G TGN140L-MUTHKU màu đồng mang biển kiểm soát 88A-520.65 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Giá trị chiếc xe đảm bảo là 808 triệu đồng.
- (3) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 290623-3996349-01-SME ngày 03/07/2023 được ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán hóa chất, phụ gia nhựa, thanh toán chi phí lương cho nhân viên công ty. Tài sản đảm bảo được quy định chi tiết trong Hợp đồng bảo đảm số 01/HDBL ký ngày 03/07/2023.
- (4) Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 164622.23.011.647882.TD ngày 11/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 11/10/2023, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất, phụ gia ngành nhựa và các sản phẩm nhựa của Khách hàng.
- (5) Theo Hợp đồng tín dụng số SHBHN/HDDT/790500037395 ngày 13/12/2023 giữa Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 8,6 tỷ đồng. Thời hạn cho vay đối với mỗi khoản vay: không quá 6 tháng (được quy định cụ thể tại từng Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ), lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo là Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa hoặc Ban giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa mở tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với giá trị 4 tỷ đồng và Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa Ngân hàng và Bên Bảo lãnh là ông Trần Đăng Công và bà Ngô Hoài Thanh.
- (6) Hợp đồng vay số 01/2022/HĐCV-CVP-PGN ngày 01/03/2022 giữa ông Chu Văn Phương và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với số tiền cho vay là 3 tỷ đồng, lãi suất 7,6%/năm. Thời hạn vay là 31/12/2024, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(7) Là khoản vay dài hạn giữa Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng vay dự án số 01.113395/2020-HĐCVDAT/NHCT246-PHUGIANHUA ngày 16/01/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 7,8 tỷ đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Thi công xây dựng nhà xưởng sản xuất số 2 tại Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Phụ Gia Nhựa làm chủ đầu tư. Tài sản thế chấp bao gồm:

- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm nhà kho và máy móc thiết bị. Tổng trị giá hợp đồng 3.544 triệu đồng, đảm bảo cho mức dự nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.273,8 triệu đồng.
- + Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.300113395/2018/HĐBĐ/NHCT246 ngày 01/02/2018 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

(8) Là khoản nợ thuế tài chính giữa CTCP Phụ Gia Nhựa và Công ty cho thuê tài chính MTV Quốc tế Chailease – CN Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C211103612 ngày 08/11/2021, với giá trị tiền thuê gốc là 1.397.220.000 đồng, thời hạn cho thuê là 40 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C220530112 ngày 26/05/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 321.930.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C220543512 ngày 15/08/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 944.328.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C221028512 ngày 18/10/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 974.462.400 đồng, thời hạn cho thuê là 54 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	75.456.470.000	(134.050.000)	2.720.035.248	11.530.456.176	89.572.911.424					
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	9.052.930.000	-	-	(9.052.930.000)	-					
- Lãi trong năm nay	-	-	-	12.879.517.730	12.879.517.730					
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.665.021.227	(1.665.021.227)	-					
31/12/2022	84.509.400.000	(134.050.000)	4.385.056.475	13.692.022.679	102.452.429.154					
01/01/2023	84.509.400.000	(134.050.000)	4.385.056.475	13.692.022.679	102.452.429.154					
- Lãi trong năm nay	-	-	-	5.223.106.726	5.223.106.726					
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	1.931.927.659	(1.931.927.659)	-					
- Trích lập quỹ khen thưởng (*)	-	-	-	(643.975.887)	(643.975.887)					
31/12/2023	84.509.400.000	(134.050.000)	6.316.984.134	16.339.225.859	107.031.559.993					

(*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1305/2023/PGN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/05/2023 của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	84.509.400.000	75.456.470.000
Vốn góp tăng trong năm	-	9.052.930.000
Vốn góp cuối năm	84.509.400.000	84.509.400.000

15.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2023 CP	01/01/2023 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.450.940	8.450.940
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.450.940	8.450.940
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.450.940	8.450.940
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.450.940	8.450.940
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.450.940	8.450.940
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Doanh thu bán hàng	211.847.849.029	266.294.086.010
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.119.951.000	3.442.954.343
	214.967.800.029	269.737.040.353
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 25)	141.179.884.000	191.306.742.072

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	280.500.000	84.680.000
Trong đó:		
+ Giảm giá bán hàng	-	84.680.000
+ Hàng bán bị trả lại	280.500.000	-
	280.500.000	84.680.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	196.837.902.536	241.629.586.350
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	962.668.698	1.248.456.732
	197.800.571.234	242.878.043.082

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	186.576.601	118.454.436
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.843.543	57.284.269
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	859.940	31.725.914
	216.280.084	207.464.619

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	5.946.890.285	5.266.556.967
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.457.608	121.059.612
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	4.520.232	-
	5.963.868.125	5.387.616.579

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.657.854.082	4.157.754.846
- Chi phí nhân viên quản lý	1.688.590.351	2.157.049.531
- Chi phí đồ dùng văn phòng	31.077.303	42.736.933
- Thuế phí, lệ phí	347.660.737	128.659.024
- Chi phí khấu hao TSCĐ	447.604.776	405.718.040
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	941.173.620	1.215.307.831
- Chi phí quản lý khác	201.747.295	208.283.487
Các khoản chi phí bán hàng	583.417.008	899.755.975
- Chi phí nhân viên bán hàng	213.828.886	261.099.208
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.466.122	634.150.878
- Chi phí bán hàng khác	34.122.000	4.505.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Các khoản phạt	1.105.018	180.133.809
	1.105.018	180.133.809

23. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

23.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.223.106.726	12.879.517.730
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: + Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	(643.975.887)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.223.106.726	12.235.541.843
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (CP)	8.450.940	7.545.647
Số cổ phiếu bình quân phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu (CP)	-	905.293
Tổng số cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh (CP)	8.450.940	8.450.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	618	1.448

(*) Trên cơ sở trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2022 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1305/2023/PGN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/05/2023, Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại là 1.448 VND/cổ phiếu (số đã trình bày là 1.524 VND/cổ phiếu).

23.2 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.223.106.726	12.879.517.730
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: + Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	(643.975.887)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	8.450.940	7.545.647
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành (**)	1.013.919	905.293
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	552	1.448

(*) Trên cơ sở trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2022 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1305/2023/PGN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/05/2023, Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại là 1.448 VND/cổ phiếu (số đã trình bày là 1.524 VND/cổ phiếu).

(**) Theo Báo cáo Kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 01/2024/BCPH/PGN ngày 05/02/2024: Công ty đã phát hành thêm 1.013.919 cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá là 10.139.190.000 đồng) để trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2022 (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.147.364.317	237.233.383.980
- Chi phí nhân công	6.592.768.884	7.070.750.873
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.335.194.467	3.557.117.657
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.557.688.492	2.030.030.189
- Chi phí khác bằng tiền	2.930.227.564	3.238.248.052
	199.563.243.724	253.129.530.751

25. THÔNG TIN KHÁC

25.1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho	-	2.812.909.091
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	115.397.331.080	111.549.942.741
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	98.787.010.782	99.102.006.638

25.2. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Giám đốc kinh doanh của Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát
2	Công ty CP Hóa chất Thăng Long	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Hóa chất Thăng Long
3	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát; Thành viên HĐQT của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát
4	Công ty Cổ Phần Nhựa Thiệu Niên Tiên Phong	Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Nhựa thiệu niên Tiên Phong.
5	Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
6	Ông Trần Đặng Phi	Thành viên Hội đồng Quản trị
7	Ông Chu Văn Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị
8	Ông Trần Đặng Công	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	274.135.392	733.064.600
- Ông Trần Đăng Công Phó Chủ tịch	274.135.392	733.064.600
Ban Giám đốc điều hành	716.618.409	1.338.702.167
- Ông Trần Đăng Công Tổng Giám đốc	274.135.392	733.064.600
- Ông Nguyễn Trọng Cường Phó Tổng Giám đốc	221.770.992	334.472.214
- Bà Dương Thị Hải Hà Giám đốc sản xuất	220.712.025	271.165.353

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan	141.179.884.000	191.306.742.072
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	92.362.200.000	123.745.865.300
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	12.745.934.000	18.525.759.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	36.071.750.000	49.035.117.772

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Mua hàng từ các bên liên quan	117.547.919.500	199.776.223.030
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	61.934.305.500	99.844.251.750
- Công ty CP Hóa chất Thăng Long	495.720.000	938.929.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	48.380.845.000	80.352.270.000
- Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	6.737.049.000	18.640.772.280
Vay bên liên quan	3.000.000.000	4.745.000.000
- Ông Trần Đăng Công	3.000.000.000	4.745.000.000
Trả gốc vay bên liên quan	6.050.000.000	6.338.000.000
- Ông Trần Đăng Công	6.050.000.000	6.338.000.000
Lãi vay đã trả bên liên quan	547.154.164	587.637.368
- Ông Trần Đăng Công	267.904.163	301.046.805
- Ông Chu Văn Phương	279.250.001	286.590.563

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰAThôn Minh Quyết, Phường Khai Quang,
Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng	78.008.230.429	66.033.457.579
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	34.509.399.108	33.805.784.758
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	4.135.454.887	7.087.676.887
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	39.363.376.434	25.139.995.934
Phải trả người bán	14.397.273.980	17.157.750.960
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	-	222.600.000
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	545.292.000	-
- Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	13.851.981.980	16.935.150.960
Vay và nợ thuê tài chính	3.000.000.000	6.050.000.000
- Ông Trần Đăng Công	-	3.050.000.000
- Ông Chu Văn Phương	3.000.000.000	3.000.000.000

Công ty có sử dụng tài sản là nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL774600 tại số 55, Trần Văn Danh, P13, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh của ông Trần Đăng Phi để bổ sung tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các văn bản sửa đổi đối với khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương – CN Vĩnh Phúc với trị giá hợp đồng là 4.894 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 3.670 triệu đồng.

Công ty có sử dụng tài sản là QSDĐ 78,6 m2 đất ở và nhà xây 2 tầng diện tích xây dựng 157,2 m2 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AĐ326525 mang tên ông Trần Đăng Công và bà Ngô Hoài Thanh tại số 57, ngõ 185, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội đem thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 12.68.13395.01/HĐTC ngày 31/8/2012 với trị giá hợp đồng là 5.710 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 4.282 triệu đồng.

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức**

- Ngày 05/02/2024, Công ty đã Báo cáo Kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 01/2024/BCPH/PGN;
- Ngày 11/03/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 cho Công ty;
- Ngày 12/03/2024, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 111/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa;

Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 1.013.919 cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá là 10.139.190.000 đồng) để trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2022. Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty là 94.648.590.000 đồng, chia thành 9.464.859 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Uanh

Trần Thị Việt Oanh

Nguyen Thi Nga

Nguyễn Thị Nga

